

20

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Ng. T. Hồng Diem Phan Kim Ngân Diem Khôi G. Thi. Thanh

Môn học: Trang bị điện (22825601)

Ngày thi: 14/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A401

Số SV có mặt: 28.
Số bài thi: 28.
Số tờ giấy thi: 28.

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123050020	Đạt Ngọc Lý	15/05/2005	CCQ2305A	1	Đạt	5,0	2,5	3,5	
2	2122050094	Nguyễn Văn Minh	02/10/2004	CCQ2205C	1	Minh	6,5	7,0	6,8	
3	2123050169	Đặng Hoài Nam	22/08/2005	CCQ2305D			0,0			
4	2123050069	Bùi Đại Nghĩa	12/08/1998	CCQ2305B			0,0			
5	2122050015	Trương Đức Ngọc	17/09/2004	CCQ2205A	1	Đức	6,8	7,5	7,2	
6	2122150072	Trần Trung Nguyên	20/07/2004	CCQ2215D	1	Trung	5,0	7,5	6,5	
7	2122140060	Mai Quốc Nhật	02/02/2004	CCQ2205C	1	Quốc	5,0	7,5	6,5	
8	2123050118	Phạm Nguyễn Hoàng Nhật	17/04/2005	CCQ2305C			0,0			
9	2123050126	Nguyễn Đình Ninh	24/10/2005	CCQ2305C	1	Đình	5,0	1,0	2,6	
10	2123150058	Nguyễn Như Phát	01/01/2005	CCQ2315B	1	Phát	5,3	6,5	6,0	
11	2123050063	Cao Xuân Phong	24/10/2005	CCQ2305B	1	Phong	5,0	0	2,0	
12	2123050213	Trần Huy Phú	02/02/2003	CCQ2305A	1	Huy	8,5	5,5	6,7	
13	2123050129	Bùi Văn Phúc	23/03/2005	CCQ2305C	1	Văn	5,0	1,5	2,9	
14	2122050148	Nguyễn Minh Phúc	14/07/2004	CCQ2205C	1	Minh	8,5	6,0	7,0	
15	2122150037	Đỗ Thế Quân	01/01/2004	CCQ2215B	1	Thế	5,3	5,0	5,1	
16	2123150051	Huỳnh Tấn Sanh	17/09/2005	CCQ2315B	1	Tấn	5,3	5,0	5,1	
17	2123150047	Phạm Đăng Sơn	29/03/2005	CCQ2315B	1	Đăng	5,3	5,8	5,6	
18	2120050087	Trần Nhật Tâm	21/05/2001	CCQ2005C	1	Trần	6,0	4,5	5,1	
19	2123050045	Hồ Thanh Tấn	10/08/2005	CCQ2305A	1	Thanh	5,0	0	2,0	
20	2123150016	Trần Ngọc Thanh	29/12/2005	CCQ2315A			0,0			
21	2123050195	Vũ Tiến Thanh	30/09/2005	CCQ2305E			0,0			
22	2122150059	Nguyễn Tấn Thành	16/05/2004	CCQ2215D	1	Tấn	7,0	8,0	7,6	
23	2123050233	Nguyễn Tấn Thành	04/07/2005	CCQ2305A	1	Tấn	5,0	6,0	5,6	
24	2122150035	Huỳnh Văn Thịnh	28/09/2003	CCQ2215B	1	Văn	5,5	1,0	2,8	
25	2123050223	Trần Nhật Thịnh	15/02/2005	CCQ2305E	1	Trần	5,0	5,3	5,2	
26	2122050147	Huỳnh Văn Thuận	26/05/2003	CCQ2205C	1	Văn	5,3	6,5	6,0	
27	2123150091	Nguyễn Xuân Thuyết	10/01/2003	CCQ2315C			0,0			
28	2122050006	Nguyễn Duy Tiên	09/01/2003	CCQ2205A	1	Duy	6,8	2,5	4,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Trang bị điện (22825601)

Ngày thi: 14/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A401

Số SV có mặt: 28...

Số bài thi: ...28...

Số tờ giấy thi: 28.

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122050078	Lê Minh	Trí	07/12/2004	CCQ2205C	1	Txi'	8,0	8,0	8,0	
30	2122150019	Nguyễn Minh	Trí	01/11/2003	CCQ2215B	1	Ti	5,8	2,5	3,8	
31	2123050042	Nguyễn Văn	Trí	24/08/2005	CCQ2305A	1	TRÍ	6,5	7,5	7,1	
32	2123050029	Kiều Đan	Trưởng	18/06/2005	CCQ2305A	1	Đan	7,0	7,5	7,3	
33	2123150084	Nguyễn Ngọc	Tuyên	13/05/2004	CCQ2315C	1	T	9,0	4,5	6,3	
34	2122140015	Ngô Hoàng	Việt	07/07/2004	CCQ2205A	1	Uc	6,3	7,5	7,0	

19

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Trang bị điện (22825601)

Ngày thi: 14/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A305

Số SV có mặt: 31...

Số bài thi:31

Số tờ giấy thi: 31

Handwritten signatures and names:
Cán bộ coi thi 1: [Signature]
Cán bộ coi thi 2: [Signature]
G.Viên chấm thi 1: Ngô Đình Khôi
G.Viên chấm thi 2: Ngô Thu, Hạnh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Bằng	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122150028	Lê Tấn	Bằng	29/09/2004	CCQ2215A		[Signature]	6,3	7,5	7,0	
2	2123050061	Huỳnh Dương	Bình	08/04/2004	CCQ2305B		[Signature]	5,3	0,5	2,4	
3	2123050060	Lê Văn	Cang	19/08/2005	CCQ2305B		[Signature]	8,0	9,5	8,9	
4	2123150034	Nguyễn Văn	Cánh	11/04/2005	CCQ2315A		[Signature]	5,8	6,5	6,2	
5	2123150100	Mao Văn	Cao	31/10/2005	CCQ2315C		[Signature]	7,3	7,8	7,6	
6	2121050027	Đoàn Huỳnh Hữu	Chương	29/03/2003	CCQ2105A		[Signature]	5,0	5,8	5,5	
7	2122150026	Hoàng Nguyễn Nhật	Đăng	09/08/2004	CCQ2215A		[Signature]	7,0	7,0	7,0	
8	2123050054	Nguyễn Lộc Ngọc	Đăng	24/07/2005	CCQ2305B		[Signature]	7,5	7,3	7,4	
9	2123050084	Lê Văn	Danh	10/11/1997	CCQ2305B		[Signature]	8,8	8,8	8,8	
10	2123110121	Nguyễn Thanh	Đông	16/07/2005	CCQ2305E		[Signature]	5,0	5,3	5,2	
11	2123050205	Đỗ Thế	Đức	24/09/2005	CCQ2305E		[Signature]	6,3	6,0	6,1	
12	2123050140	Nguyễn Phạm Mạnh	Duy	30/09/2005	CCQ2305D		[Signature]	5,0	6,3	5,8	
13	2123050036	Nguyễn Quốc	Duy	11/02/2005	CCQ2305A		[Signature]	8,0	5,0	6,2	
14	2123150090	Phạm Thế	Duy	05/12/2005	CCQ2315C		[Signature]	6,5	7,8	7,3	
15	2123050058	Bùi Minh	Hải	07/10/2005	CCQ2305B		[Signature]	6,8	7,3	7,1	
16	2123050212	Phạm Trần Gia	Hào	09/08/2002	CCQ2305A			0,0			
17	2123150020	Đoàn Hoàng	Hiệp	12/11/2005	CCQ2315A		[Signature]	5,0	5,0	6,0	
18	2123050082	Phan Hữu	Hội	21/09/2005	CCQ2305B		[Signature]	8,5	8,5	8,5	
19	2123050092	Phạm Ngọc	Huân	21/04/2005	CCQ2305C		[Signature]	5,0	5,5	5,3	
20	2122150061	Phạm Văn	Hùng	25/08/2004	CCQ2215C		[Signature]	5,8	6,0	5,9	
21	2123050011	Huỳnh Tường	Huy	11/10/2005	CCQ2305A		[Signature]	7,0	6,8	6,9	
22	2122150060	Nguyễn Quang	Huy	07/10/2004	CCQ2215C		[Signature]	5,0	6,8	6,1	
23	2123050228	Phạm Quang	Huy	08/06/2005	CCQ2305E		[Signature]	5,0	5,8	5,5	
24	2122050054	Vũ Gia	Huy	04/06/2004	CCQ2205B			5,0			
25	2122170390	Nguyễn Trần Đức	Hy	25/07/2004	CCQ2205D		[Signature]	7,0	8,3	7,8	
26	2123050074	Nguyễn Văn	Kha	13/07/2004	CCQ2305B		[Signature]	6,5	8,0	7,4	
27	2123050077	Đỗ Minh	Khoa	15/01/2005	CCQ2305B		[Signature]	5,5	7,5	6,7	
28	2123050089	Huỳnh Văn	Lâm	10/10/2005	CCQ2305B		[Signature]	8,0	7,8	7,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Trang bị điện (22825601)

Ngày thi: 14/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A305

Số SV có mặt: 31

Số bài thi: 31

Số tờ giấy thi: 31

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2121050056	Nguyễn Hoài	Linh	09/07/2003	CCQ2105B		Thub	5,0	5,0	5,0	
30	2123150037	Trần Hoài	Linh	13/09/2005	CCQ2315A		Linh	7,3	6,0	6,5	
31	2123150099	Bùi Tấn	Lộc	02/09/2003	CCQ2315C			5,0			
32	2123050052	Nguyễn Thành	Luân	05/09/2005	CCQ2305B		Luân	6,5	4,0	5,0	
33	2123050138	Phạm Nguyễn Công	Luận	30/01/2005	CCQ2305C		Luân	5,0	0,8	2,5	
34	2123050209	Hoàng Đăng	Luật	26/09/1996	CCQ2305E		Luân	5,0	5,0	5,0	